

Số: 1134/QĐ-LTT-QLKH Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành chương trình liên kết đào tạo ngành ngôn ngữ Anh
trình độ cao đẳng để áp dụng từ khoá 2020
tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. Hồ Chí Minh**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 2 năm 2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1130/QĐ-BLĐTBXH ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh thành Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh quản lý Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ ban hành về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 34/2017/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành về Quy định việc công nhận đối với văn bằng, chứng chỉ giáo dục nghề nghiệp do cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài cấp;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 01 tháng 03 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 21/2018/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội ban hành về Quy định tiêu chí xác định chương trình chất lượng cao trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 40/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành về Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng các ngành, nghề thuộc lĩnh vực nghệ thuật, mỹ thuật và ngôn ngữ;

Căn cứ Quyết định số 833/QĐ-LTT-TC ngày 12 tháng 8 năm 2020 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường;

Căn cứ thực tế các ngành, nghề tuyển sinh trình độ cao đẳng tại trường;

Theo đề nghị của Trường phòng Quản lý khoa học – Hợp tác quốc tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chương trình liên kết đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh trình độ cao đẳng để áp dụng từ khóa 2020 tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà) trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. / *ms*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
NGÀNH: TIẾNG ANH**

TP. Hồ Chí Minh – Năm 2020

CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số: 1134/QĐ-LTT-ĐT, ngày 08 tháng 10 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố HCM)*

Tên ngành, nghề: TIẾNG ANH

Mã ngành, nghề: 6220206

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy (Tín chỉ)

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

Thời gian đào tạo: 2,5 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Cử nhân ngành tiếng Anh có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khỏe tốt để có thể làm việc hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Anh, đáp ứng được yêu cầu xã hội và của nền kinh tế hội nhập quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể

a/ Kiến thức:

- Kiến thức chung:

Có kiến thức về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội để tiếp thu kiến thức giáo dục nghề nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ;

- Kiến thức chuyên ngành:

Có kiến thức nền tảng và chuyên sâu về các bình diện ngôn ngữ Anh như ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, ngữ nghĩa, kiến thức về quy tắc giao tiếp - văn hoá, khả năng nhận biết bày được việc sử dụng các mô hình tương tác khác nhau trong tiếng Anh, và sự nhận biết bày được được những giá trị văn hóa tương ứng; có kiến thức chuyên sâu và kỹ thuật biên dịch, kiến thức về khoa học sư phạm, cơ sở lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh làm tiền đề cho công việc dịch thuật và giảng dạy;

- Kiến thức bổ trợ:

Đạt trình độ trình độ A Quốc gia hoặc chứng chỉ quốc tế tương đương về một trong các ngôn ngữ: Hoa, Pháp, Đức, Nhật, Tây Ban Nha hoặc Hàn Quốc; đạt trình độ B về tin học ứng dụng.

b/ Kỹ năng:

Sử dụng thành thạo các kỹ năng ngôn ngữ: nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh trong các tình huống giao tiếp xã hội và chuyên môn tương đương với trình độ B2 của Hội đồng Châu Âu hoặc bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam. Có khả năng áp dụng công nghệ tiên tiến vào công tác chuyên môn, có kỹ năng làm việc theo nhóm, quản lý nhóm và nghiên cứu khoa học về các vấn đề ngôn ngữ, văn học, văn hóa - văn minh của các nước cộng đồng Anh ngữ.

c/ Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Có đạo đức nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật lao động và tôn trọng nội quy của cơ quan, có ý thức cộng đồng và tác phong công nghiệp, trách nhiệm công dân, thái độ làm việc theo nhóm và làm việc độc lập tốt, có tinh thần cầu tiến, hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Đào tạo sinh viên ngành Tiếng Anh có đủ kiến thức và kỹ năng để có thể làm việc tốt ở các vị trí sau:

- Lĩnh vực kinh tế thương mại: Thư ký, trợ lý ngôn ngữ, nhân viên văn phòng, phụ trách giao dịch thư tín, lễ tân trong các nhà máy, công ty đa quốc gia, công ty nhà nước có đối tác sử dụng tiếng Anh;

- Lĩnh vực du lịch: Nhân viên văn phòng du lịch, bộ phận chăm sóc khách hàng của khách sạn, nhà hàng có khách hàng sử dụng tiếng Anh làm ngôn ngữ giao tiếp;

- Lĩnh vực giáo dục: Trợ giảng cho giảng viên bản ngữ tại các trường mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông;

- Các lĩnh vực, vị trí công tác khác: Biên dịch tự do, nhân viên tại các cơ quan ngoại giao, văn phòng đại diện, tổ chức phi chính phủ, tổ chức quốc tế cần nhân lực sử dụng được tiếng Anh như ngôn ngữ văn phòng.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học: **41**
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: **90** tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/ đại cương: **495** giờ
- Khối lượng các môn học chuyên môn: **1460** giờ
- Khối lượng lý thuyết: **631** giờ; Thực hành, thực hành, thí nghiệm: **1266** giờ
- Thời gian khóa học: **2,5** năm

3. Nội dung chương trình:

Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
I	Các môn học chung/ đại cương	28	495	212	255	28
CTC104	Giáo dục Chính trị	4(3,1,7)	75	41	29	5
CTC105	Pháp luật	2(2,0,4)	30	18	10	2
CBC105	Giáo dục thể chất (*)	2(0,2,1)	60	5	51	4
CBC107	Giáo dục quốc phòng và An ninh (*)	4(3,1,7)	75	36	35	4
TTC101	Tin học	4(1,3,4)	75	15	58	2
CBC141	Ngoại ngữ 1	4(2,2,5)	60	21	36	3
CBC142	Ngoại ngữ 2	4(2,2,5)	60	21	36	3
KTC101	Kỹ năng mềm (*)	4(4,0,8)	60	55		5
II	Các môn học chuyên môn ngành, nghề	62	1460	419	1011	30
<i>II.1</i>	<i>Môn học cơ sở</i>	<i>19</i>	<i>317</i>	<i>195</i>	<i>108</i>	<i>14</i>
CBC108	Ngữ pháp Tiếng Anh 1	2(2,0,4)	30	28		2
CBC109	Ngữ pháp Tiếng Anh 2	2(2,0,4)	30	28		2
CBC110	Ngữ âm và âm vị học	3(3,0,6)	45	43		2
CBC112	Kỹ năng nghe trong công sở	2(2,0,4)	31	5	24	2
CBC115	Kỹ năng nói trong công sở	2(2,0,4)	31	5	24	2
CBC118	Đọc 1	3(3,0,6)	45	43		2
CBC121	Viết	3(3,0,6)	45	43		2
CBC122	Thực hành Viết 1	2(0,2,1)	60		60	
<i>II.2</i>	<i>Môn học chuyên môn ngành</i>	<i>43</i>	<i>1143</i>	<i>224</i>	<i>903</i>	<i>16</i>
CBC111	Hình vị học	3(3,0,6)	45	43		2
CBC113	Thực hành nghe 1 (**)	2(0,2,1)	60		60	
CBC114	Thực hành Nghe 2 (**)	2(0,2,1)	60		60	
CBC116	Nói 2	3(3,0,6)	45	43		2
CBC117	Thực hành Nói	2(0,2,1)	60		60	

Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
CBC119	Kỹ năng đọc trong công sở	2(2,0,4)	31	8	21	2
CBC123	Kỹ năng viết trong công sở	1(0,2,1)	31	13	16	2
CBC124	Thực hành Biên dịch 1	2(0,2,1)	60		60	
CBC125	Thực hành Biên dịch 2 (**)	2(0,2,1)	60		60	
CBC126	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh (**)	2(0,2,1)	60		60	
CBC128	Tiếng Anh Kinh doanh	2(0,2,1)	60		60	
CBC129	Tiếng Anh Du lịch	2(0,2,1)	60		60	
CBC130	Kỹ năng nghề nghiệp	2(3,0,6)	31	5	26	
CBC131	Đồ án môn học Du lịch	1(0,1,0)	45		45	
CBC132	Đồ án môn học Hành chính – Nhân sự	1(0,1,0)	45		45	
CBC133	Thực tập tốt nghiệp (**)	6(0,6,0)	270		270	
CBC134	Thực tập Doanh nghiệp (**)	4(0,2,0)	180		180	
II.3	<i>Môn học tự chọn (chọn 4 trong 9 môn học)</i>	8	120	112		8
CBC150	Tiếng Anh Thư điện tử	2(2,0,4)	30	28		2
CBC151	Tiếng Anh Hội họp	2(2,0,4)	30	28		2
CBC152	Tiếng Anh Đàm phán	2(2,0,4)	30	28		2
CBC153	Tiếng Anh Thuyết trình	2(2,0,4)	30	28		2
CBC154	Tiếng Anh Tiếp thị & quảng cáo	2(2,0,4)	30	28		2
CBC155	Tiếng Anh Nhà hàng	2(2,0,4)	30	28		2
CBC156	Tiếng Anh Kỹ thuật	2(2,0,4)	30	28		2
CBC157	Tiếng Anh Điện thoại	2(2,0,4)	30	28		2
CBC158	Tiếng Anh Khoa học Sức khỏe	2(2,0,4)	30	28		2
Tổng cộng		90	1460	419	1011	30

Các học phần được gắn dấu (*), Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và An ninh và Kỹ năng mềm không tính vào điểm trung bình chung học tập nhưng là học phần điều kiện để xét hoàn thành khối lượng học tập, xét điều kiện dự thi tốt nghiệp, công nhận tốt nghiệp. Các môn học được gắn dấu (**) là các môn học học tập tại Doanh nghiệp.

4. Kế hoạch giảng dạy

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Mã môn học: Học trước (a) Song hành (b)	Ghi chú
Học kỳ 1			18		
<i>Môn học bắt buộc</i>			<i>18</i>		
1	CBC107	Giáo dục quốc phòng và An ninh (*)	4(3,1,7)		
2	CBC105	Giáo dục thể chất (*)	2(0,2,1)		
3	KTC101	Kỹ năng mềm (*)	4(4,0,8)		
4	CTC104	Giáo dục Chính trị	4(3,1,7)		
5	CBC108	Ngữ pháp Tiếng Anh 1	2(2,0,4)		
6	CBC112	Kỹ năng nghe trong công sở	2(2,0,4)		
<i>Môn học tự chọn</i>			<i>0</i>		
Học kỳ 2			20		
<i>Môn học bắt buộc</i>			<i>16</i>		
1	CBC109	Ngữ pháp Tiếng Anh 2	2(2,0,4)	CBC108(a)	
2	CBC110	Ngữ âm và âm vị học	3(3,0,6)		
3	CBC113	Thực hành Nghe 1 (**)	2(0,2,1)	CBC112(a)	
4	CBC115	Kỹ năng nói trong công sở	2(2,0,4)		
5	CBC118	Độc 1	3(3,0,6)		
6	CBC121	Viết	3(3,0,6)		
7	CBC128	Tiếng Anh Kinh doanh	2(0,2,1)		
<i>Môn học tự chọn (chọn 2 trong 5 môn học)</i>			<i>4</i>		
8	CBC150	Tiếng Anh Thư điện tử	2(2,0,4)		
9	CBC157	Tiếng Anh Điện thoại	2(2,0,4)		
10	CBC151	Tiếng Anh Hội họp	2(2,0,4)		
11	CBC158	Tiếng Anh Khoa học Sức khỏe	2(2,0,4)		
12	CBC156	Tiếng Anh Kỹ thuật	2(2,0,4)		

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Mã môn học: Học trước (a) Song hành (b)	Ghi chú
Học kỳ 3			24		
<i>Môn học bắt buộc</i>			24		
1	CBC141	Ngoại ngữ 1	4(2,2,5)		
2	TTC101	Tin học	4(1,3,4)		
3	CTC105	Pháp luật	2(2,0,4)		
4	CBC111	Hình vị học	3(3,0,6)		
5	CBC116	Nói 2	3(3,0,6)	CBC115(a)	
6	CBC119	Kỹ năng đọc trong công sở	2(2,0,4)	CBC118(a)	
7	CBC122	Thực hành Viết 1	2(0,2,1)	CBC121(a)	
8	CBC124	Thực hành Biên dịch 1	2(0,2,1)		
9	CBC114	Thực hành Nghe 2 (**)	2(0,2,1)	CBC113(a)	
10	CBC131	Đồ án môn học Du lịch	1(0,1,0)		
<i>Môn học tự chọn</i>			0		
Học kỳ 4			20		
<i>Môn học bắt buộc</i>			16		
1	CBC142	Ngoại ngữ 2	4(2,2,5)	CBC141(a)	
2	CBC129	Tiếng Anh Du lịch	2(0,2,1)		
3	CBC117	Thực hành Nói	2(0,2,1)	CBC116(a)	
4	CBC123	Kỹ năng viết trong công sở	1(0,2,1)	CBC122(a)	
5	CBC126	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh (**)	2(0,2,1)		
6	CBC130	Kỹ năng nghề nghiệp	2(3,0,6)		
7	CBC125	Thực hành Biên dịch 2 (**)	2(0,2,1)	CBC124(a)	
8	CBC132	Đồ án môn học Hành chính – Nhân sự	1(0,1,0)		
<i>Môn học tự chọn (chọn 2 trong 4 môn học)</i>			4		
9	CBC152	Tiếng Anh Đàm phán	2(2,0,4)		
10	CBC153	Tiếng Anh Thuyết trình	2(2,0,4)		
11	CBC154	Tiếng Anh Tiếp thị & quảng cáo	2(2,0,4)		
12	CBC155	Tiếng Anh Nhà hàng	2(2,0,4)		
Học kỳ 5			6		

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Mã môn học: Học trước (a) Song hành (b)	Ghi chú
1	CBC133	Thực tập tốt nghiệp (**)	6(0,6,0)		
2	CBC134	Thực tập Doanh nghiệp (**)	4(0,2,0)		
	Tổng cộng		88		

5. Hướng dẫn sử dụng chương trình:

5.1. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, nhà trường bố trí tham quan một số cơ sở sản xuất, kinh doanh phù hợp với nghề đào tạo;
- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá vào thời điểm phù hợp.

5.2. Hướng dẫn kiểm tra hết môn học:

Thực hiện theo Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố HCM ban hành kèm theo Quyết định số 713/QĐ-LTT-ĐT ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP. HCM.

5.3. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp:

Xét công nhận tốt nghiệp thực hiện theo Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 713/QĐ-LTT-ĐT ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP. HCM được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Quyết định số 696/QĐ-LTT-ĐT ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng Kỹ sư thực hành cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

5.4. Các chú ý khác

Các môn học Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và An ninh, Kỹ năng mềm và Thực tập Doanh nghiệp không tính vào điểm trung bình chung học tập nhưng là môn học điều kiện để xét hoàn thành khối lượng học tập, xét điều kiện dự thi tốt nghiệp, công nhận tốt nghiệp.

Môn học Thực tập Doanh nghiệp có số tín không tính vào tổng số tín chỉ trong chương trình. Tùy theo chuyên môn của từng ngành, nghề, Trường khoa có thể chọn 1 trong các hình thức sau để thực hiện:

- Thực tập tại Doanh nghiệp.

- Thực tập tại các Xưởng chuyên môn hoặc các Trung tâm Doanh nghiệp liên kết đặt tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. HCM.

- Tham gia các Câu lạc bộ chuyên ngành tại khoa.

- Thực hiện các mô hình, dự án do khoa triển khai.

Các môn học gắn dấu (**) học tại Doanh nghiệp. 

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc

SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên ngành, nghề: Tiếng Anh

Mã ngành, nghề: 6220206

